



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Tư Vấn Xây Dựng Điện 3

Ngày 31/12/2025	18,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	23.3%	-1.1%	68.0%

DT thuần Q4/25
92.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼22.7 -19.7%
YoY: ▼14.7 -13.7%

LN thuần Q4/25
2.50
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.05 -61.8%
YoY: ▼10.0 -80.0%

LN sau thuế Q4/25
1.94
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.88 -66.7%
YoY: ▼9.46 -83.0%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
5.5%
YoY: +/- ▼ 2.0%

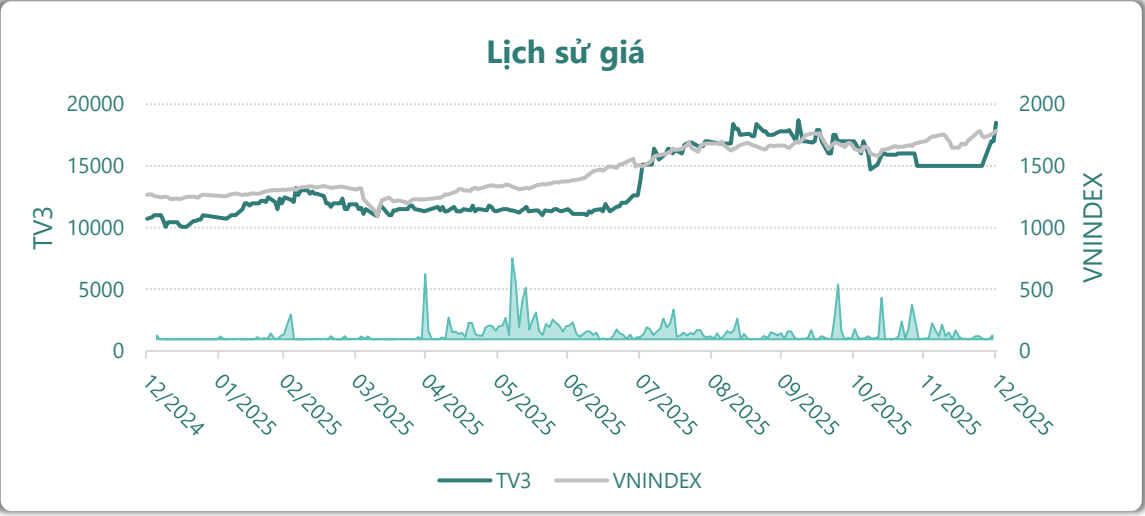
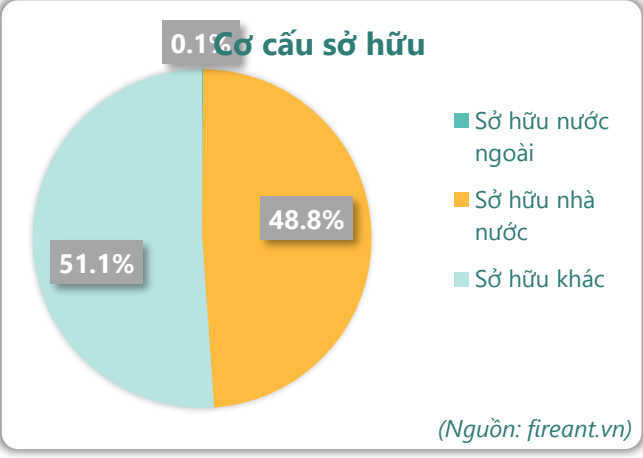
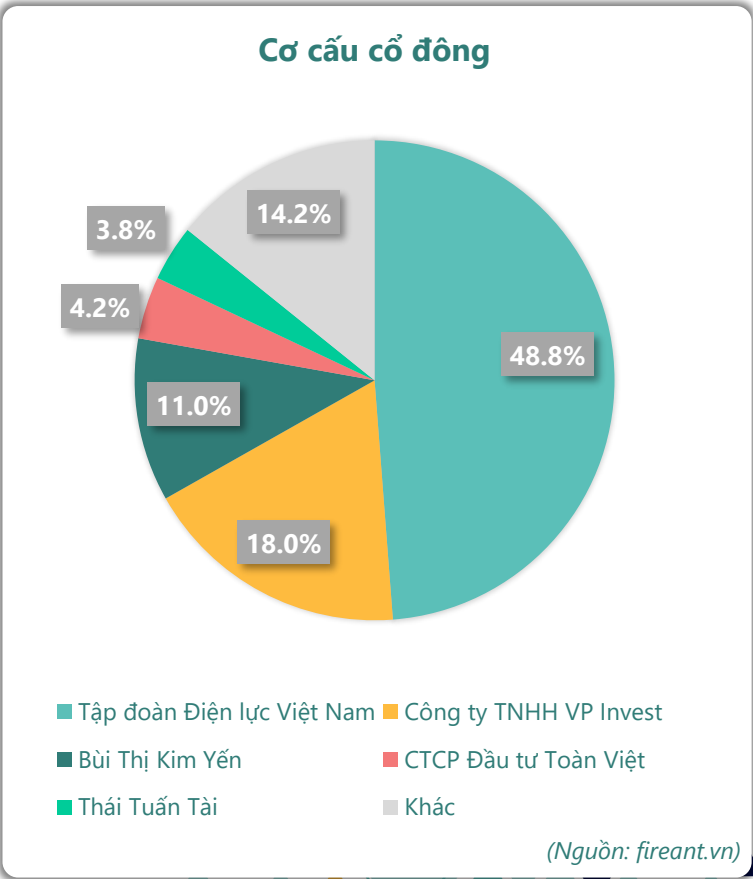
ROE 2025
8.8%
YoY: +/- ▲ 1.1%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	10,055 - 18,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	176
Số lượng CPLH (CP)	9,517,289
KLGD BQ 20 phiên (CP)	595
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.51
EPS	1,468
P/E	12.6

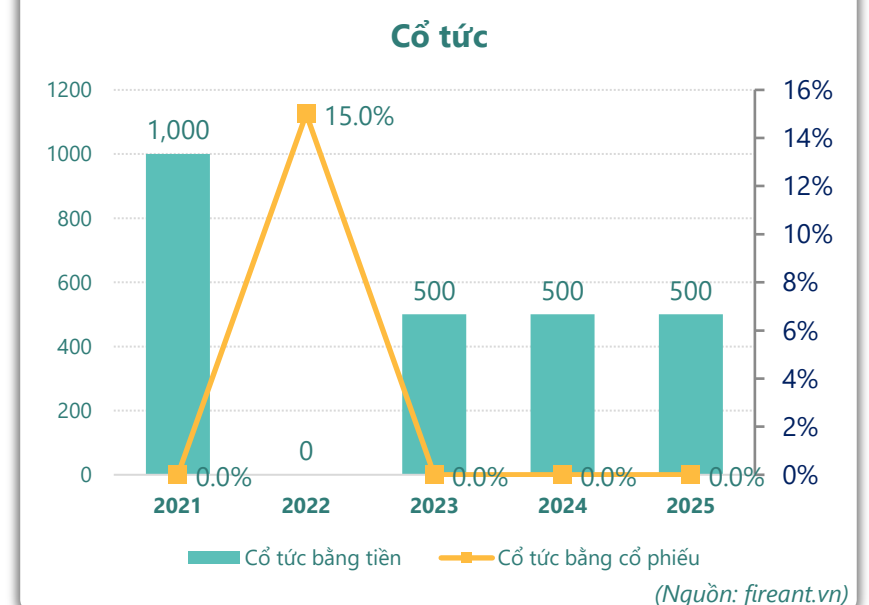
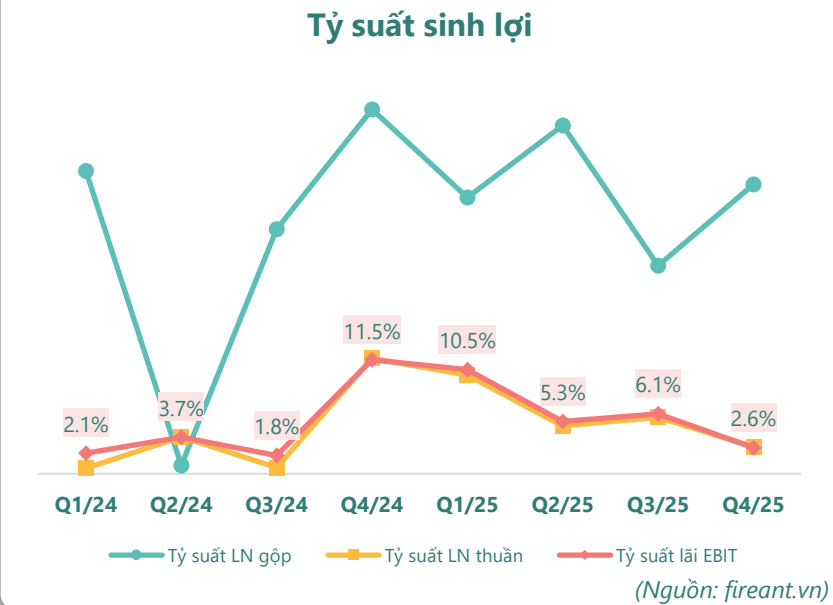
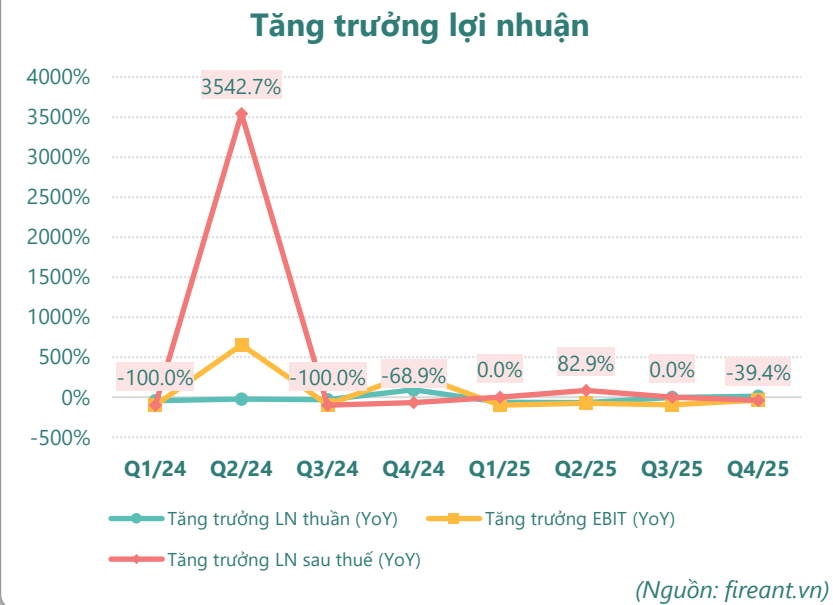
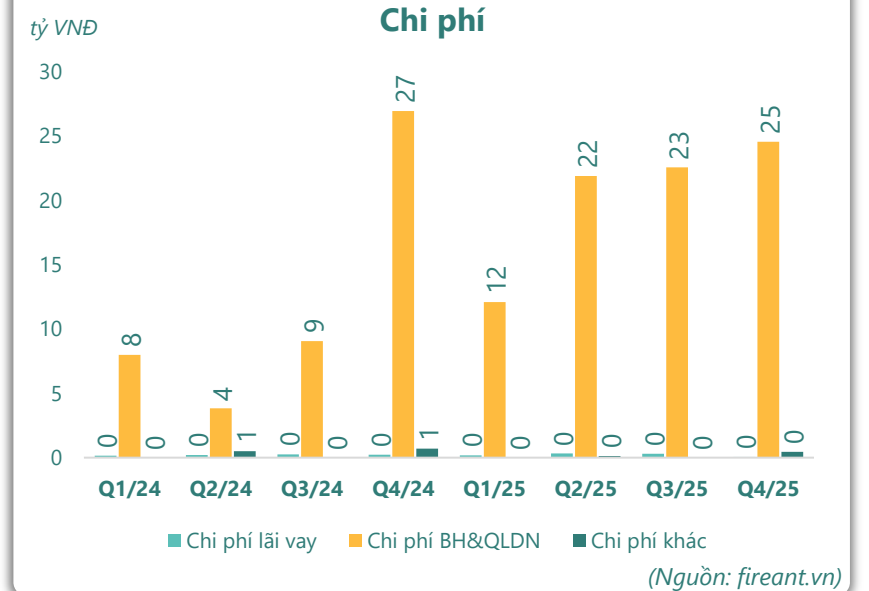
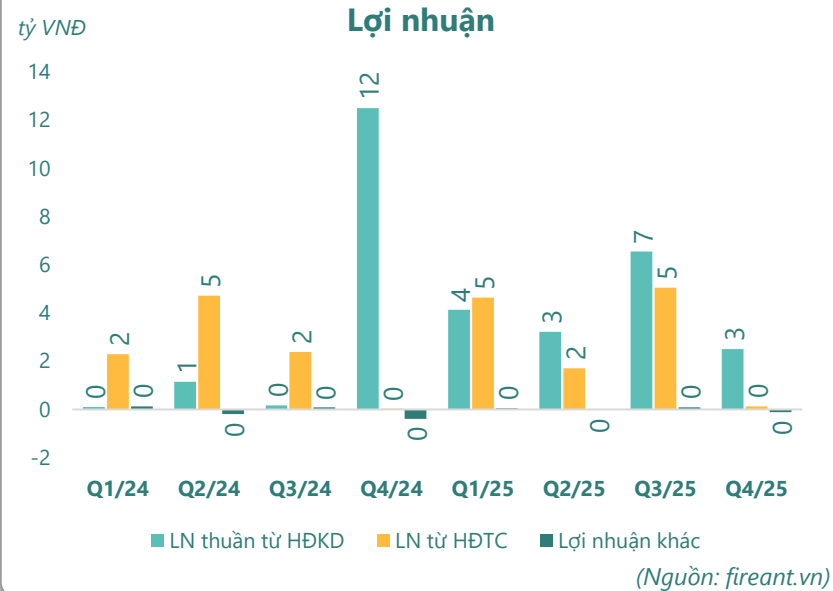
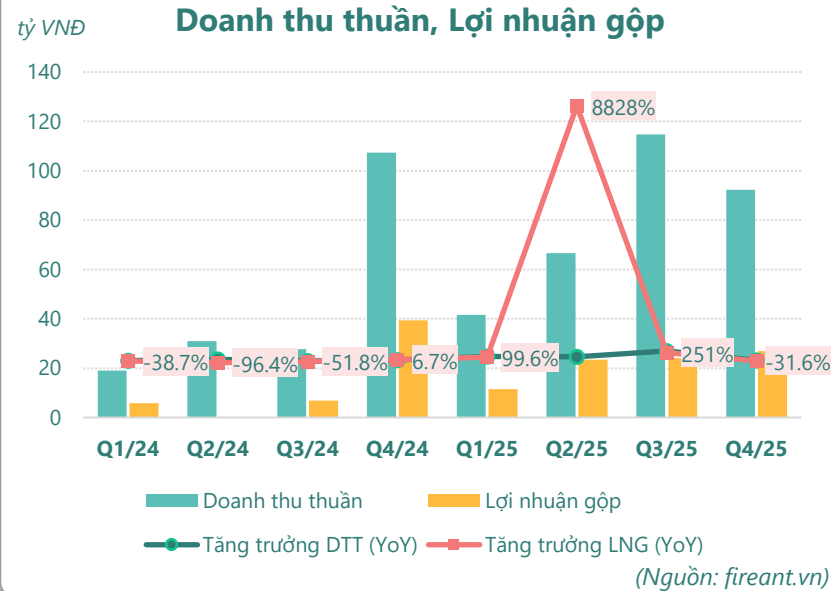
DT thuần 2025
315
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 130 70.4%

LN thuần 2025
16.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.00 22.4%

LN sau thuế 2025
14.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.20 18.9%



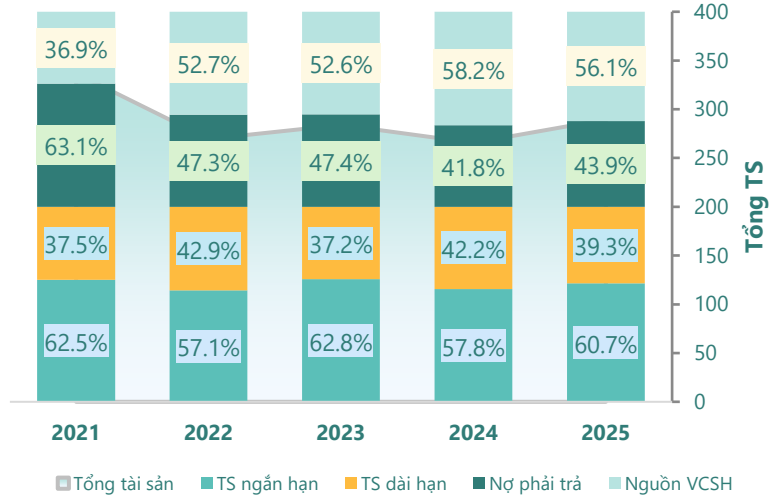
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

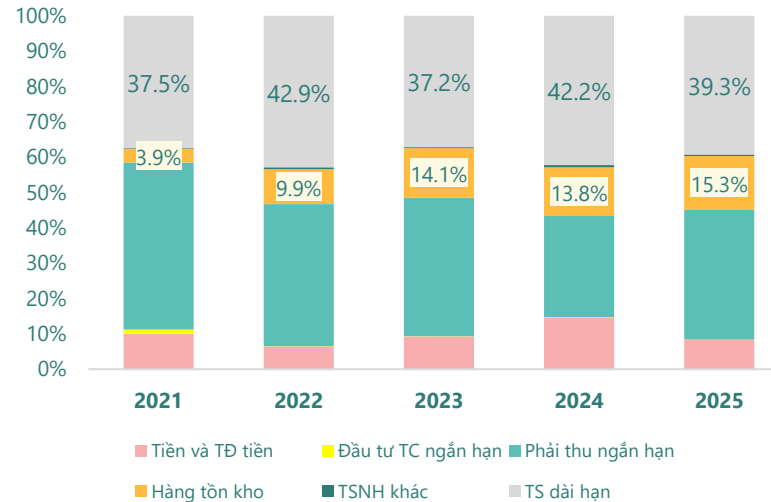
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

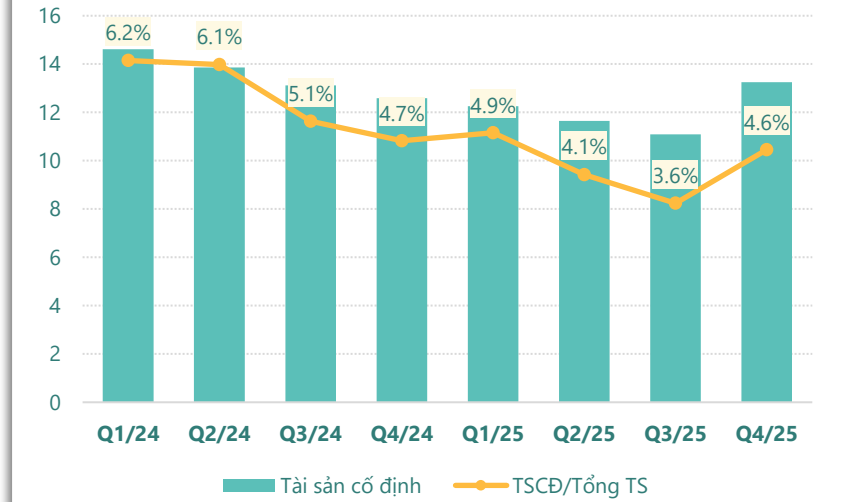
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

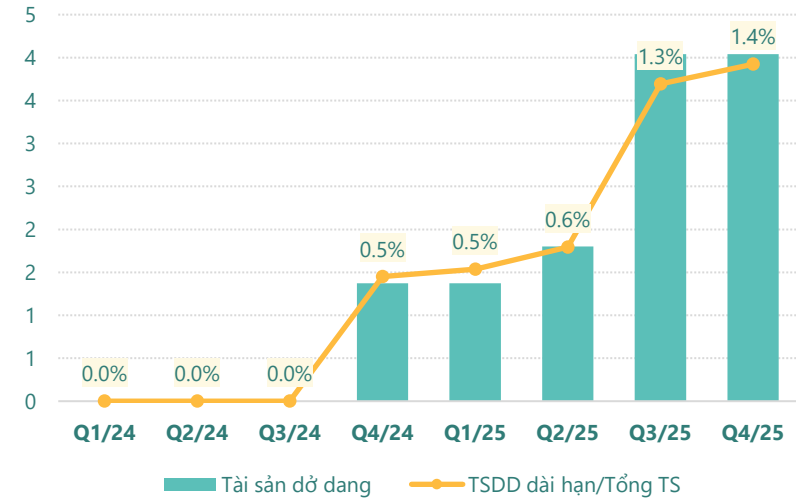
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

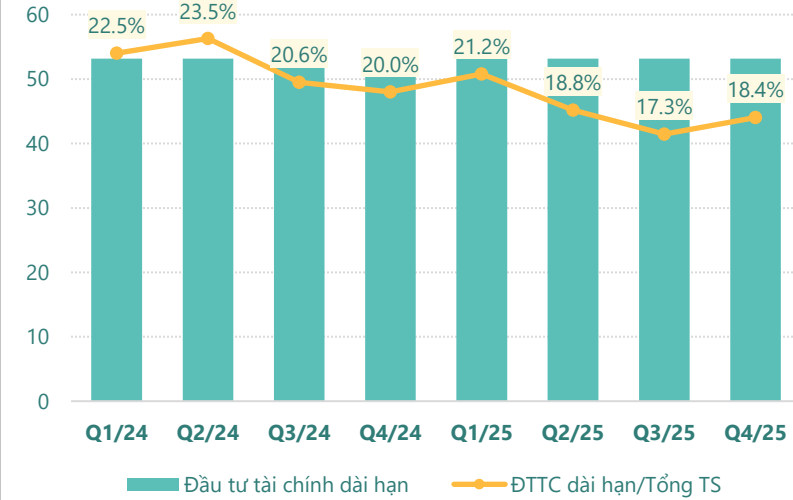
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

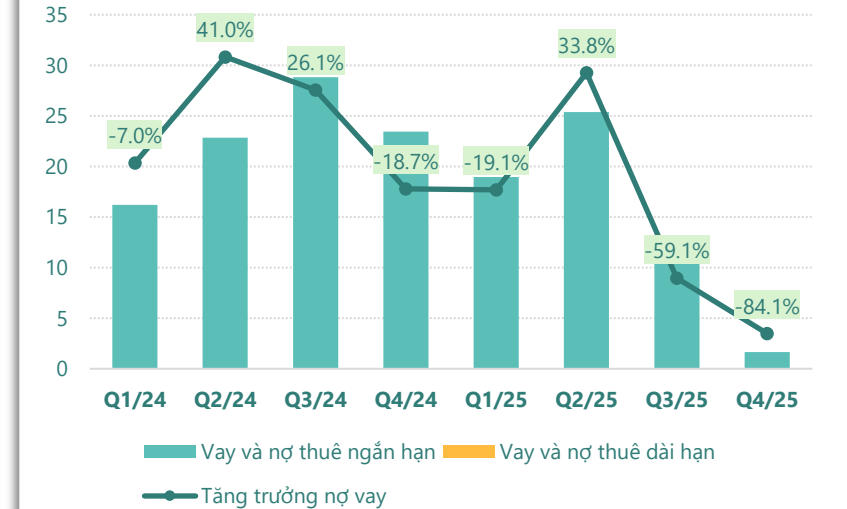
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

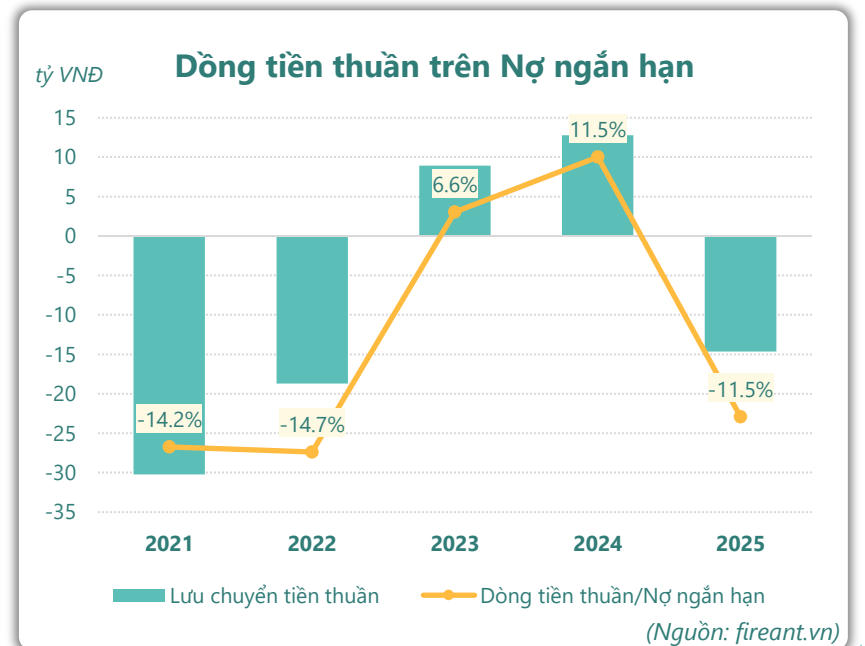
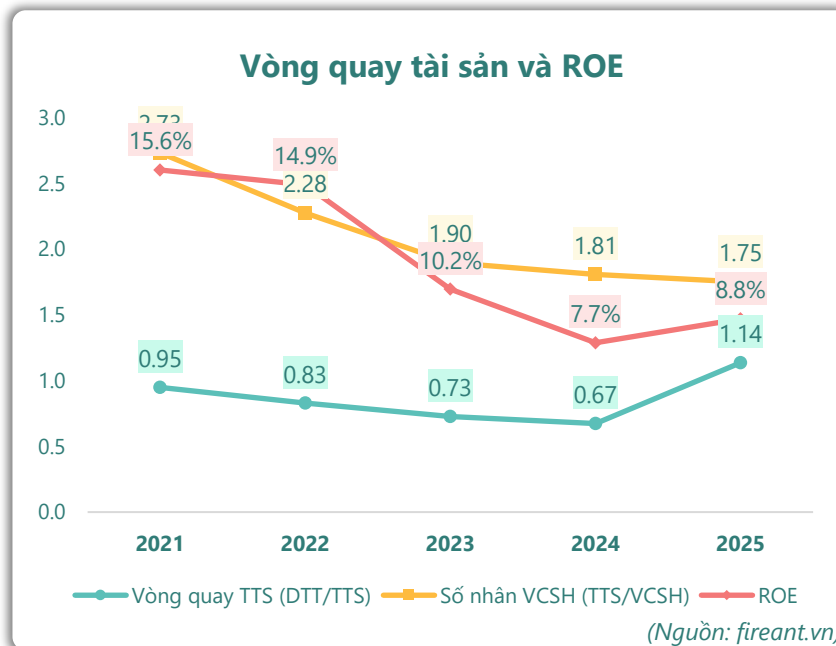
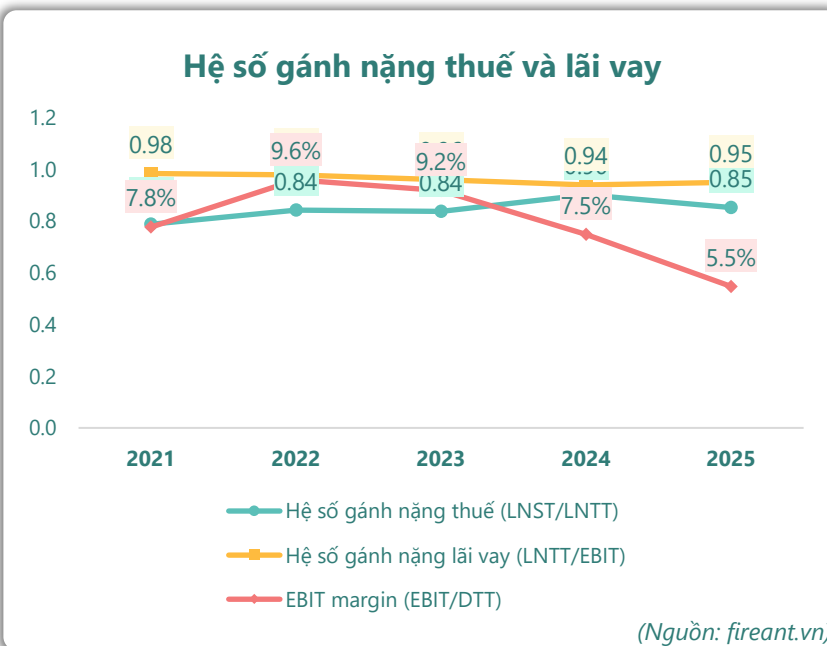
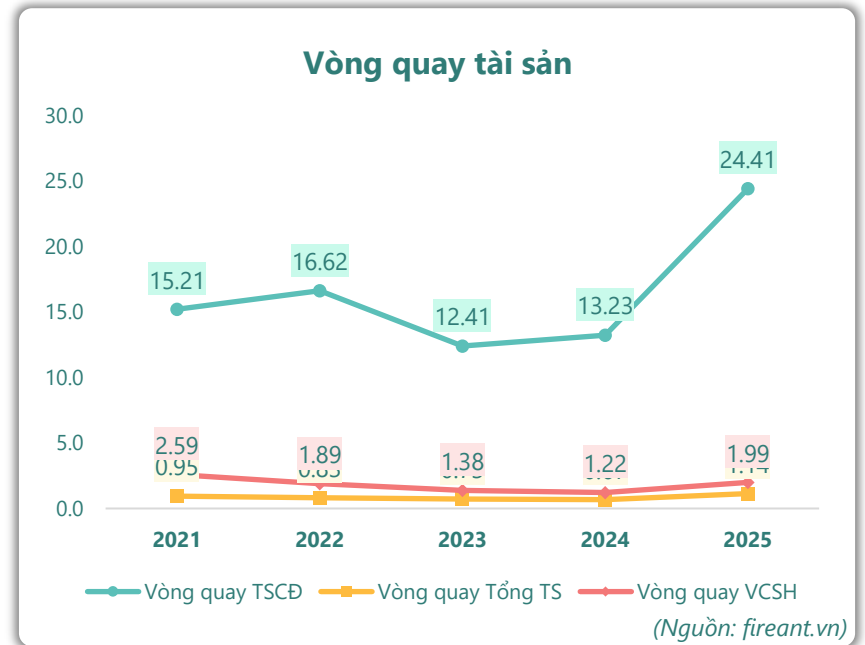
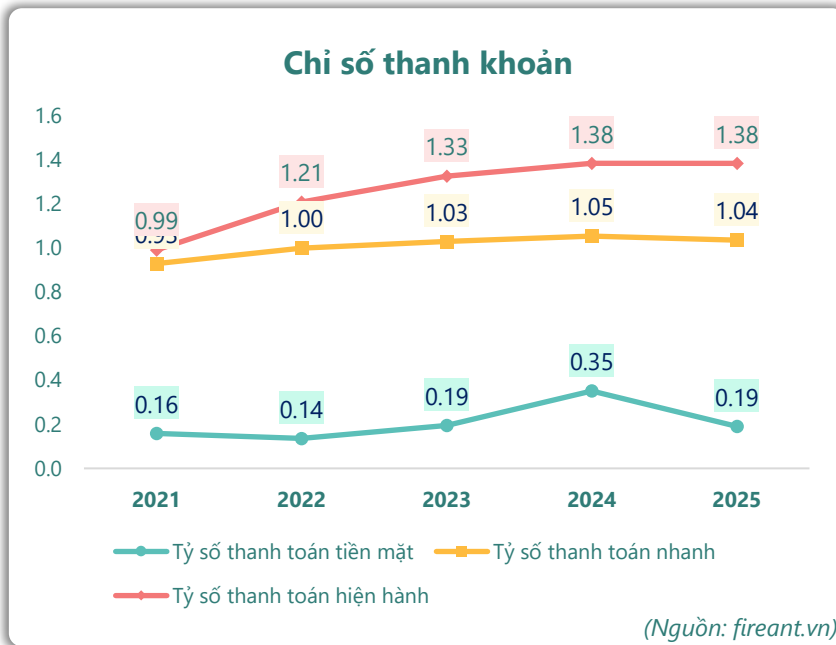
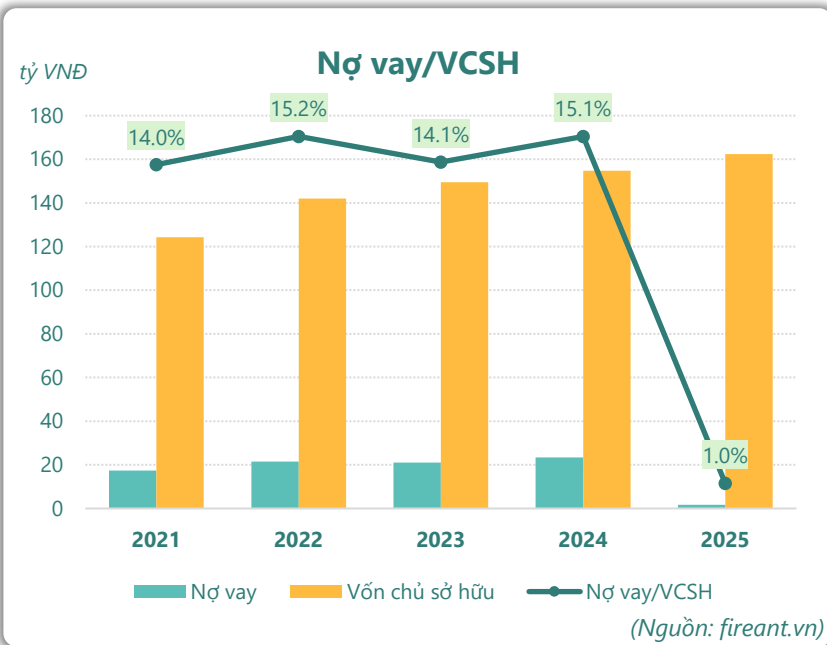
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	92.3	107	-13.7%	315	185	70.4%
Giá vốn hàng bán	65.4	67.9	-3.7%	229	133	72.4%
Lợi nhuận gộp	27.0	39.4	-31.6%	86.0	52.0	65.4%
Doanh thu HĐTC	0.49	0.64	-24.2%	14.1	11.3	24.5%
Chi phí TC	0.36	0.61	-41.8%	2.56	1.91	34.5%
Chi phí lãi vay	0.05	0.22	-79.5%	0.85	0.83	2.5%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	6.94	5.54	25.3%	21.4	9.67	121%
Chi phí QLDN	17.6	21.4	-17.6%	59.8	38.4	55.8%
LN thuần từ HĐKD	2.50	12.5	-80.0%	16.4	13.4	22.4%
Lợi nhuận khác	-0.11	-0.39	72.0%	0.00	-0.37	101%
LN trước thuế	2.39	12.1	-80.2%	16.4	13.0	25.9%
Lợi nhuận sau thuế	1.94	11.4	-83.0%	14.0	11.8	18.9%
LNST của CĐ cty mẹ	1.94	11.4	-83.0%	14.0	11.8	18.9%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	29.4	31.3	-19.9	4.76	39.3	-2.96
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.78	-0.56	5.06	1.96	3.55	0.21
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-22.8	-14.2	-10.3	12.2	-33.5	-14.9
Tiền đầu kỳ	13.1	22.5	38.9	13.8	32.7	42.0
Lưu chuyển tiền thuần	9.40	16.5	-25.2	18.9	9.33	-17.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	0.11	-0.11	0
Tiền cuối kỳ	22.5	38.9	13.8	32.7	42.0	24.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	290	266	9.0%
Tài sản ngắn hạn	176	154	14.5%
Tiền và tương đương tiền	24.3	38.9	-37.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.22	0.22	0.0%
Phải thu ngắn hạn	106	76.0	39.5%
Hàng tồn kho	44.2	36.6	20.7%
Tài sản ngắn hạn khác	1.15	1.73	-33.4%
Tài sản dài hạn	114	112	1.4%
Phải thu dài hạn	40.8	44.4	-8.1%
Tài sản cố định	13.2	12.6	5.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.04	1.37	194%
Đầu tư tài chính dài hạn	53.2	53.2	0.0%
Tài sản dài hạn khác	2.54	0.64	300%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	127	111	14.6%
Nợ ngắn hạn	127	111	14.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.65	23.4	-92.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	13.5	15.4	-12.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	162	155	5.0%
Vốn chủ sở hữu	162	155	5.0%
Vốn điều lệ	95.2	95.2	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

